| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN C**<br>**TỈNH L** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 33/2021/QĐST-HNGĐ | *C, ngày 06 tháng 4 năm 2021* |

**QUYẾT ĐỊNH**
**SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ**
**V/v yêu cầu xác định cha cho con**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C - TỈNH L**

***Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp:* Bà Nguyễn Võ Thu Xuân

***Thư ký phiên họp***: Bà Huỳnh Thủy Tiên– Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh L.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh L tham gia phiên họp:*** Bà Huỳnh Thị Hải Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh L mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 73/2021/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2021 về việc "Yêu cầu xác định cha cho con" theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 13/2021/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2021, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* ông Nguyễn Văn N (Phạm Văn N), sinh năm: 1963;

Địa chỉ: Số 98, Ấp 5, xã L3, huyện C, tỉnh L.

1/ **Bà Nguyễn Thị M**, sinh năm: 1943;

Địa chỉ: Số 2/3, Tổ 10, Khu phố 1, thị trấn C1, huyện C1, tỉnh L.

2/ **Bà Nguyễn Thị K**, sinh năm: 1952;

Địa chỉ: Ấp 5, xã L3, huyện C, tỉnh L.

Người đại diện theo ủy quyền của bà M và bà K: **Ông Nguyễn Văn H**, sinh năm: 1964;

Địa chỉ: Số 453, Ấp 5, xã L3, huyện C, tỉnh L

3/ **Ông Nguyễn Văn L1**, sinh năm: 1954;

Địa chỉ: Số 219, Ấp 5, xã L3, huyện C, tỉnh L.

4/ **Ông Nguyễn Văn G**, sinh năm: 1956;

Địa chỉ: Số 220, Ấp 5, xã L3, huyện C, tỉnh L.

5/ **Ông Nguyễn Văn H**, sinh năm: 1964;

Địa chỉ: Số 453, Ấp 5, xã L3, huyện C, tỉnh L.

6/ **Ông Nguyễn Văn L2**, sinh năm: 1967;

Địa chỉ: Số 218, Ấp 5, xã L3, huyện C, tỉnh L.

7/ **Bà Nguyễn Thị U**, sinh năm: 1969;

Địa chỉ: Số 23/5, đường Nguyễn Thái Bình, Tổ 12, Khu phố 4, thị trấn C1, huyện C1, tỉnh L.

8/ **Ông Nguyễn Minh T**, sinh năm 1981;

Địa chỉ: Ấp 5, xã L3, huyện C, tỉnh L.

9/ **Bà Nguyễn Dương Hoàng D**, sinh năm 1984;

Địa chỉ: Ấp 4, xã L3, huyện C, tỉnh L.

10/ **Bà Nguyễn Dương Hoàng O**, sinh năm 1986;

Địa chỉ: Ấp 4, xã L3, huyện C, tỉnh L.

Người đại diện theo ủy quyền của ông T, bà D, bà O: **Ông Nguyễn Văn H**, sinh năm: 1964;

Địa chỉ: Số 453, Ấp 5, xã L3, huyện C, tỉnh L.

(Ông N có mặt, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

## NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Tại đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự ngày 01-02-2021 và tại phiên họp, người yêu cầu ông Nguyễn Văn N (Phạm Văn N) trình bày như sau: Ông N là con của cụ Nguyễn Văn Tr, sinh năm 1917, chết năm 2013 và cụ Phạm Thị T1, sinh năm 1922, chết năm 2014. Cha mẹ của ông có tất cả 10 người con: Nguyễn Thị M, sinh năm 1943; Nguyễn Thị Giỏi, sinh năm 1946, đã chết, có 01 người con là Nguyễn Minh T, sinh năm 1981; Nguyễn Văn Khỏe, sinh năm 1947, đã chết, có 02 người con là Nguyễn Dương Hoàng D, sinh năm 1984 và Nguyễn Dương Hoàng O, sinh năm 1986; Nguyễn Thị K, sinh năm 1952; Nguyễn Văn L1, sinh năm 1954; Nguyễn Văn G, sinh năm 1956; Nguyễn Văn H, sinh năm 1964; Nguyễn Văn L2, sinh năm 1967; Nguyễn Thị U, sinh năm: 1969 và ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1963.

Từ nhỏ tới lớn ông N đều sử dụng tên là Nguyễn Văn N, đến đầu năm 2020 khi ông N trích lục khai sinh của ông để làm giấy tờ cho con ông đi học thì ông mới phát hiện tên trong giấy khai sinh của ông là Phạm Văn N. Cụ Nguyễn Văn Tr là người đi khai sinh cho ông N nhưng thời điểm đó, cha mẹ ông N không có giấy đăng ký kết hôn nên không khai sinh tên ông theo họ cha được. Tất cả các giấy tờ nhân thân khác của ông N đều khai tên là Nguyễn Văn N. Từ trước đến nay ông đều sinh sống chung cha mẹ ở xã L3, huyện C, tỉnh L. Nay ông N yêu cầu xác định cụ Nguyễn Văn Tr là cha của ông để ông điều chỉnh họ của ông trong giấy khai sinh.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cũng như là người đại diện theo ủy quyền đều thống nhất trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 16-3-2021 như sau:

Các ông bà là con của cụ Nguyễn Văn Tr, sinh năm 1917, chết năm 2013 và cụ Phạm Thị T1, sinh năm 1922, chết năm 2014. Cha mẹ của ông bà có tất cả 10 người con: Nguyễn Thị M, sinh năm 1943; Nguyễn Thị Giỏi, sinh năm 1946, đã chết, bà Giỏi có 01 người con là Nguyễn Minh T, sinh năm 1981; Nguyễn Văn Khỏe, sinh năm 1947, đã chết, ông Khỏe có 02 người con là Nguyễn Dương Hoàng D, sinh năm 1984 và Nguyễn Dương Hoàng O, sinh năm 1986; Nguyễn Thị K, sinh năm 1952; Nguyễn Văn L1, sinh năm 1954; Nguyễn Văn G, sinh năm 1956; Nguyễn Văn H, sinh năm 1964; Nguyễn Văn L2, sinh năm 1967; Nguyễn Thị U, sinh năm: 1969 và ông Nguyễn Văn N (Phạm Văn N), sinh năm 1963.

Các ông, bà xác định ông Nguyễn Văn N (Phạm Văn N) là con ruột là cụ Tr, cụ T1 và là anh em ruột của các ông bà. Từ trước đến nay, các ông bà cũng không biết họ của ông N trong giấy khai sinh là họ Phạm chứ không phải họ Nguyễn nhưng ông bà xác định ông Nguyễn Văn N và ông Phạm Văn N là cùng 01 người. Nay ông bà xác định ông Nguyễn Văn N (Phạm Văn N) là con ruột của cụ Nguyễn Văn Tr.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Minh T, bà Nguyễn Dương Hoàng D và bà Nguyễn Dương Hoàng O trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 16-3-2021 như sau:

Ông Nguyễn Minh T là con của bà Nguyễn Thị Giỏi. Bà Nguyễn Dương Hoàng D, bà Nguyễn Dương Hoàng O là con của ông Nguyễn Văn Khỏe. Bà Giỏi và ông Khỏe là con của cụ Nguyễn Văn Tr và cụ Phạm Thị T1, là anh chị em ruột của ông Nguyễn Văn N (Phạm Văn N). Ông T, bà O và bà D xác định ông Nguyễn Văn N (Phạm Văn N) là cậu ruột, chú ruột của các ông, bà. Đồng thời, ông T, bà O và bà D cũng xác định ông Nguyễn Văn N và ông Phạm Văn N là cùng 01 người. Nay ông T, bà D, bà O thống nhất xác định ông Nguyễn Văn N (Phạm Văn N) là con ruột của cụ Nguyễn Văn Tr.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên họp phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc dân sự: căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự đề nghị Tòa án nhân dân huyện C áp dụng Điều 88, 90 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn N (Phạm Văn N) về việc xác định cụ Nguyễn Văn Tr là cha của ông N.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện C nhận định:

[1]. Ông Nguyễn Văn N (Phạm Văn N) yêu cầu xác định cụ Nguyễn Văn Tr là cha ruột là việc dân sự yêu cầu xác định cha cho con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C theo quy định tại Khoản 10 Điều 29, điểm t Khoản 2 Điều 39, Điều 361 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày của người yêu cầu, lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cũng như ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C. Xét thấy, cụ Nguyễn Văn Tr, sinh năm 1917, chết năm 2013 và cụ Phạm Thị T1, sinh năm 1922, chết năm 2014 chung sống với nhau sinh ra 10 người con chung gồm: Nguyễn Thị M, sinh năm 1943; Nguyễn Thị Giỏi, sinh năm 1946, chết năm 2006; Nguyễn Văn Khỏe, sinh năm 1947, chết năm 2018; Nguyễn Thị K, sinh năm 1952; Nguyễn Văn L1, sinh năm 1954; Nguyễn Văn G, sinh năm 1956; Nguyễn Văn H, sinh năm 1964; Nguyễn Văn L2, sinh năm 1967; Nguyễn Thị U, sinh năm: 1969 và Nguyễn Văn N (Phạm Văn N), sinh năm 1963. Bà Giỏi có một người con là ông Nguyễn Minh T sinh năm 1981, ông Khỏe có hai người là bà Nguyễn Dương Hoàng D, sinh năm 1984 và Nguyễn Dương Hoàng O, sinh năm 1986.

Theo trích lục khai sinh của ông N được khai sinh theo họ mẹ là Phạm Văn N, chỉ thể hiện họ tên mẹ là Phạm Thị T1, phần họ tên cha để trống. Ngoài ra, khi ông N làm thủ tục cấp chứng minh nhân dân, sổ hổ khẩu, ông N khai theo họ cha là Nguyễn Văn N nên có sự khác nhau về họ của ông N trên các giấy tờ nhân thân hiện nay. Tuy nhiên, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều thừa nhận ông N là con ruột của cụ Tr và cụ T1, thống nhất xác định ông Nguyễn Văn N và Phạm Văn N là cùng một người, là anh chị em ruột cùng cha cùng mẹ với bà M, bà Giỏi, ông Khỏe, bà K, ông L1, ông G, ông H, ông L2 và bà U. Ông T, bà D, bà O cũng thừa nhận ông Nguyễn Văn N và ông Phạm Văn N là cùng một cùng người, là chú ruột, cậu ruột của các ông, bà. Sự thừa nhận này là phù hợp với bản sao giấy khai sinh số 23/1963 ngày 11/02/1963 của ông N nên việc ông N yêu cầu xác định cụ Nguyễn Văn Tr là cha của ông N là có căn cứ và phù hợp

với đề nghị của Kiểm sát viên, nên áp dụng Điều 88, 90 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đơn yêu cầu của ông N và xác định cụ Nguyễn Văn Tr là cha của ông Nguyễn Văn N (Phạm Văn N).

[3]. Về lệ phí: ông N phải chịu lệ phí việc dân sự sơ thẩm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc về án phí và lệ phí Toà án;

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 29, Điều 361, 367, 370 và 372 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 88, 90 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 37 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Chấp nhận đơn yêu cầu của ông Nguyễn Văn N (Phạm Văn N) về việc yêu cầu xác định cha cho con.

Xác định cụ Nguyễn Văn Tr, sinh năm 1917, đã chết ngày 15/01/2013, là cha của ông Nguyễn Văn N (tên trên giấy khai sinh là Phạm Văn N theo giấy khai sinh số 23/1963 ngày 11/02/1963 được đăng ký khai sinh tại xã L3, tổng Lộc Thành Thượng, quận Rạch Kiến, tỉnh L, nay là Ủy ban nhân dân xã L3, huyện C, tỉnh L).

- Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: ông Nguyễn Văn N phải nộp 300.000 đồng lệ phí việc dân sự, chuyển 300.000 đồng tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai số 0009460 ngày 24/02/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C sang lệ phí.

- Quyền kháng cáo, kháng nghị:

Người yêu cầu có mặt có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo quyết định trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định đó được thông báo, niêm yết.

Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh L;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn.

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

**Nguyễn Võ Thu Xuân**